

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04/9/2024

V/v “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Bá;
2. Bà Trần Thị Diễm Châu.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thùy L – sinh năm 1999 (Có mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1991 (Vắng mặt lần 2).

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: Cháu Phạm Thị Tường L2, sinh ngày 06/02/2017 (Xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của chị và anh Phạm Văn L1 đến với nhau là do tự quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 03 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2015 đến ngày 15/11/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Chị và anh L1 chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian. Cuối năm

2021 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, anh L1 thay đổi tính tình, không chịu lao động tạo thu nhập chăm lo cho gia đình, thích vui chơi với bạn bè nên vợ, chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên đơn khuyên nhưng anh L1 không thay đổi, chỉ cãi vã mâu thuẫn thêm, từ đó vợ, chồng sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Nay chị không còn tình cảm với anh L1 nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh L1 có 01 con chung tên Phạm Thị Tường L2, sinh ngày 06/02/2017, từ khi ly thân cháu L2 sống với nguyên đơn cho đến nay. Khi ly hôn nguyên đơn xin nuôi con chung không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn L1 mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu L2 trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày: Cháu là con chung của bà Mai Thị Thùy L và ông Phạm Văn L1. Cháu đã học lớp 01 Trường Tiểu học V. Cháu đang sống chung với mẹ. Việc nguyên đơn, bị đơn ly hôn cháu không có ý kiến. Nếu ba, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống chung với nguyên đơn, không yêu cầu gì đối với bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh L1. Về con, giao cháu Phạm Thị Tường L2, sinh ngày 06/02/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Phạm Văn L1 có đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của anh, chị chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong xây dựng gia đình, anh L1 thường xuyên đi chơi với bạn bè không chịu lao động tạo thu nhập chăm lo cho gia đình nên hôn nhân không hạnh phúc; Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho thấy bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm với nguyên đơn, hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng; điều này cũng phù hợp với biên bản xác minh Tòa án lập ngày 03/6/2024. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh L1.

[3] Về con: Nguyên đơn, bị đơn có 01 con chung là Phạm Thị Tường L2, sinh ngày 06/02/2017. Từ khi ly thân đến nay cháu sống với chị L. Khi ly hôn, nguyên đơn xin nuôi con không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; đây cũng là nguyện vọng của cháu L2 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;
Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Mai Thị Thùy L được ly hôn với anh Phạm Văn L1.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Tường L2, sinh ngày 06/02/2017 cho chị Mai Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi, anh Phạm Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở anh L1 thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không xem xét giải quyết.

(Nếu sau này phát sinh tranh chấp bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác).

Về án phí: Chị Mai Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006903 ngày 29/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên chị L không phải nộp thêm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía